TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2026/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 13 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí.

Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Cà Thị T**; sinh năm 1997. Căn cước công dân số: 011197000406, ngày cấp 04/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Bản Đun, xã S, tỉnh Điện Biên.

+ Anh **Lò Văn T1**; sinh năm 1994. Căn cước công dân số: 011094000504, ngày cấp 16/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Bản Đun, xã S, tỉnh Điện Biên.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Cà Thị T: Ông Nguyễn Đình T2 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 3 năm 2026, người yêu cầu gồm chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 25/02/2016 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã S,

tỉnh Điện Biên), kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay. Anh chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị thống nhất thuận tình ly hôn đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị.

[2] Về con chung: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 có 01 người con chung; cháu Lò Phúc L, sinh ngày 01/11/2019. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Lò Phúc L, sinh ngày 01/11/2019 cho anh Lò Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn lệ phí; xét thấy đủ điều kiện được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lò Phúc L, sinh ngày 01/11/2019 cho anh Lò Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị T và anh Lò Văn T1 được miễn nộp lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Người BVQLIHP của ĐS;
- UBND xã S, tỉnh Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Việt Hương